

Số: /TM-TTYT

Tân Lạc, ngày tháng 03 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý nhà cung cấp.

Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm Cung cấp túi nilon, thùng đựng chất thải y tế, vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc theo nội dung cụ thể như sau:

- Tên dự toán: Mua sắm túi nilon, thùng đựng chất thải y tế năm 2026
- Phạm vi cung cấp: *Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm*
- Thời gian thực hiện: 01 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc
- Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 90 ngày.
- Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, và các chi phí khác (nếu có).
- Thời gian nhận hồ sơ chào giá: 10 ngày, kể từ 17h00 ngày 13/03/2026 đến 17h00 ngày 23/03/2026. (*Báo giá có hiệu lực từ ngày cuối cùng của ngày nhận báo giá*).
- Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá
 - Nhận trực tiếp hoặc gửi qua Bưu điện về người tiếp nhận: Bạch Thị Thìa, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc - Khu Mường Định, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ
 - Mẫu báo giá: *Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm hoặc theo mẫu của đơn vị cung cấp (nếu có)*
- Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm những tài liệu sau:
 - Bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu của người có thẩm quyền);
 - Hồ sơ năng lực của công ty;
 - Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các dịch vụ đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có)

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:




- Như trên;
- Ban giám đốc TT;
- Website TTYT Tân Lạc;
- Lưu: VT, khoa KSNK.




GIÁM ĐỐC




Trần Quốc Mạnh






PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo thư mời số...../TM-TTYT, ngày 08/1/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc)

| STT | Danh mục vật tư, hóa chất | Thông số kỹ thuật hoặc tương đương | ĐVT | Số lượng |
|----------|---|--|-----|----------|
| I | Túi nilon đựng chất thải y tế | | | |
| 1 | Túi đựng rác thải y tế màu xanh (55x71cm) | <p>Túi dùng cho thùng 60L Định lượng: 23 chiếc/kg Kích thước: chiều dài: 71 cm, chiều rộng 55 cm, gập hông mỗi bên rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$) Độ dày túi: ≥ 0.1 mm, đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ, đáy túi được hàn kín chắc chắn, không bục. Chất liệu: nhựa HDPE/ nhựa PE, có 2 quai Màu sắc: màu xanh Quy cách đóng gói: 1kg/gói. 25 gói/bao. Bên ngoài bao ghi rõ tên hàng hóa In biểu tượng chất thải thông thường.</p> <p style="text-align: center;">KHÔNG ĐƯỢC DÙNG QUÁ VẠCH NÀY</p>  <p style="text-align: center;">CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992</p> | kg | 925 |
| 2 | Túi đựng rác thải y tế màu vàng (55x71cm) | <p>Túi dùng cho thùng 60L Định lượng: 23 chiếc/kg Kích thước: chiều dài: 71 cm, chiều rộng 55 cm, gập hông mỗi bên rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$) Độ dày túi: ≥ 0.1 mm, đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ, đáy túi được hàn kín chắc chắn, không bục. Chất liệu: nhựa HDPE/ nhựa PE, có 2 quai Màu sắc: màu xanh Quy cách đóng gói: 1kg/gói. 25 gói/bao. Bên ngoài bao ghi rõ tên hàng hóa In biểu tượng chất thải lây nhiễm</p> <p style="text-align: center;">KHÔNG ĐƯỢC DÙNG QUÁ VẠCH NÀY</p>  <p style="text-align: center;">CHẤT THẢI LÂY NHIỄM</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo tuân thủ TCVN 5053: 1990</p> | kg | 75 |
| 3 | Túi đựng rác thải y tế màu xanh (37 x 60cm) | <p>Túi dùng cho thùng 15L Định lượng: 35- 38 chiếc/kg Kích thước: chiều dài: 60 cm, chiều rộng 37 cm, gập hông mỗi bên rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$) Độ dày túi: ≥ 0.1 mm, đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ, đáy túi được hàn kín chắc chắn, không bục. Chất liệu: nhựa HDPE/ nhựa PE, có 2 quai Màu sắc: màu xanh Quy cách đóng gói: 1kg/gói. 25 gói/bao. Bên ngoài bao ghi rõ tên hàng hóa In biểu tượng chất thải thông thường.</p> <p style="text-align: center;">KHÔNG ĐƯỢC DÙNG QUÁ VẠCH NÀY</p>  <p style="text-align: center;">CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992</p> | kg | 50 |

| STT | Danh mục vật tư, hóa chất | Thông số kỹ thuật hoặc tương đương | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|--|-----|----------|
| | Túi đựng rác thải y tế màu xanh (35 x 43cm) | <p>Túi dùng cho thùng 10L Định lượng: 80 -83 chiếc/kg Kích thước: chiều dài: 43 cm, chiều rộng 35 cm, gập hông mỗi bên rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$) Độ dày túi: ≥ 0.1 mm, đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ, đáy túi được hàn kín chắc chắn, không bục. Chất liệu: nhựa HDPE/ nhựa PE, có 2 quai Màu sắc: màu xanh Quy cách đóng gói: 1kg/gói. 25 gói/bao. Bên ngoài bao ghi rõ tên hàng hóa In biểu tượng chất thải thông thường.</p>  <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992</p> | kg | 150 |
| 4 | Túi đựng rác thải y tế màu vàng (35 x 43cm) | <p>Túi dùng cho thùng 10L Định lượng: 75 - 78 chiếc/kg Kích thước: chiều dài: 43 cm, chiều rộng 35 cm, gập hông mỗi bên rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$) Độ dày túi: ≥ 0.1 mm, đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ, đáy túi được hàn kín chắc chắn, không bục. Chất liệu: nhựa HDPE/ nhựa PE, có 2 quai Màu sắc: màu xanh Quy cách đóng gói: 1kg/gói. 25 gói/bao. Bên ngoài bao ghi rõ tên hàng hóa In biểu tượng chất thải lây nhiễm</p>  <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo tuân thủ TCVN 5053: 1990</p> | kg | 125 |
| 5 | Túi đựng rác thải y tế màu xanh (31 x 36cm) | <p>Túi dùng cho thùng 5L Định lượng: 100 - 103 chiếc/kg Kích thước: chiều dài: 36 cm, chiều rộng 31 cm, gập hông mỗi bên rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$) Độ dày túi: ≥ 0.1 mm, đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ, đáy túi được hàn kín chắc chắn, không bục. Chất liệu: nhựa HDPE/ nhựa PE, có 2 quai Màu sắc: màu xanh Quy cách đóng gói: 1kg/gói. 25 gói/bao. Bên ngoài bao ghi rõ tên hàng hóa In biểu tượng chất thải thông thường.</p>  <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992</p> | kg | 100 |
| 6 | Túi đựng rác thải y tế màu vàng (31 x 36cm) | <p>Túi dùng cho thùng 5L Định lượng: 98 - 100 chiếc/kg</p> | kg | 125 |

| STT | Danh mục vật tư, hóa chất | Thông số kỹ thuật hoặc tương đương | ĐVT | Số lượng |
|-----------|--|---|-------|----------|
| | | <p>Kích thước: chiều dài: 36 cm, chiều rộng 31 cm, gập hông mỗi bên rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$) Độ dày túi: ≥ 0.1 mm, đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ, đáy túi được hàn kín chắc chắn, không bục. Chất liệu: nhựa HDPE/ nhựa PE, có 2 quai Màu sắc: màu xanh Quy cách đóng gói: 1kg/gói. 25 gói/bao. Bên ngoài bao ghi rõ tên hàng hóa In biểu tượng chất thải lây nhiễm</p> <p>KHÔNG ĐƯỢC ĐUNG QUÁ VẠCH NÀY</p>  <p>CHẤT THẢI LÂY NHIỄM</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo tuân thủ TCVN 5053: 1990</p> | | |
| 7 | Túi đựng rác thải y tế màu trắng (31 x 36cm) | <p>Túi dùng cho thùng 5L Định lượng: 98 - 100 chiếc/kg Kích thước: chiều dài: 36 cm, chiều rộng 31 cm, gập hông mỗi bên rộng 15cm ($\pm \leq 5\%$) Độ dày túi: ≥ 0.1 mm, đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ, đáy túi được hàn kín chắc chắn, không bục. Chất liệu: nhựa HDPE/ nhựa PE, có 2 quai Màu sắc: màu xanh Quy cách đóng gói: 1kg/gói. 25 gói/bao. Bên ngoài bao ghi rõ tên hàng hóa In biểu tượng chất thải tái chế</p> <p>KHÔNG ĐƯỢC ĐUNG QUÁ VẠCH NÀY</p>  <p>CHẤT THẢI TÁI CHẾ</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo tuân thủ TCVN 5053: 1990</p> | kg | 50 |
| II | Thùng đựng chất thải y tế | | | |
| 9 | Thùng đựng chất thải y tế màu vàng có nắp đậy loại 60L | <p>Thùng đựng chất thải dung tích 60 lít có nắp đậy Kích thước: (D x R x C): 420 x 420 x 630 cm. In biểu tượng chất thải lây nhiễm</p> <p>KHÔNG ĐƯỢC ĐUNG QUÁ VẠCH NÀY</p>  <p>CHẤT THẢI LÂY NHIỄM</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo tuân thủ TCVN 5053: 1990 Chất liệu: nhựa PE</p> | Chiếc | 4 |
| 10 | Thùng đựng chất thải y tế màu xanh có nắp đậy loại 10l | <p>Thùng đựng chất thải dung tích 10l có đạp chân mở nắp tiện dụng. Kích thước: 25 x 22.5 x 29 cm. In biểu tượng chất thải thông thường.</p> | Chiếc | 80 |

| STT | Danh mục vật tư, hóa chất | Thông số kỹ thuật hoặc tương đương | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|--|-------|----------|
| | |  <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Chất liệu: nhựa PE</p> | | |
| 11 | Thùng đựng chất thải y tế màu xanh có nắp đậy loại 15l | <p>Thùng đựng chất thải dung tích 15l có đạp chân mở nắp tiện dụng. Kích thước: 28.5 x 25.5 x 38 cm. In biểu tượng chất thải thông thường.</p>  <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Chất liệu: nhựa PE</p> | Chiếc | 15 |
| 12 | Thùng đựng chất thải y tế màu vàng có nắp đậy loại 10l | <p>Thùng đựng chất thải dung tích 10l có đạp chân mở nắp tiện dụng. Kích thước: 25 x 22.5 x 29 cm. In biểu tượng chất thải lây nhiễm</p>  <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo tuân thủ TCVN 5053: 1990 Chất liệu: nhựa PE</p> | Chiếc | 5 |
| 13 | Thùng đựng chất thải y tế màu trắng có nắp đậy loại 10l | <p>Thùng đựng chất thải dung tích 10l có đạp chân mở nắp tiện dụng. Kích thước: 25 x 22.5 x 29 cm. In biểu tượng chất thải tái chế</p>  <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo tuân thủ TCVN 5053: 1990 Chất liệu: nhựa PE</p> | Chiếc | 5 |
| 14 | Thùng đựng chất thải y tế màu đen có nắp đậy loại 10l | <p>Thùng đựng chất thải dung tích 10l có đạp chân mở nắp tiện dụng. Kích thước: 25 x 22.5 x 29 cm.</p>  <p>Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 5653: 1992 Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo tuân thủ TCVN 5053: 1990 Chất liệu: nhựa PE</p> | Chiếc | 5 |

Phụ lục 02

Tên công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại, email:

BÁO GIÁ CÔNG TY

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc

Trên cơ sở Thư mời báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư như sau:

1. Danh mục báo giá:

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Tần suất | Đơn giá chào hàng (VNĐ) | Thành tiền |
|--------------|----------|-------------|----------|----------|-------------------------|------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| Tổng: | | | | | | |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... kết thúc nhận báo giá.

3. Gửi kèm hồ sơ năng lực, giấy phép đăng ký kinh doanh (bản photo), Giấy phép môi trường.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

.....ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)

